

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÝ 11 HỌC KÌ II

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đông Nam Á tiếp giáp các đại dương:

- A. Thái Bình Dương-Đại Tây Dương. C. Biển Đông-Vịnh Thái Lan.
 B. Thái Bình Dương-Ấn Độ Dương. D. Thái Bình Dương-Vịnh Thái Lan.

Câu 2: Đông Nam Á nằm trong khu vực khí hậu :

- A. Xích đạo và nhiệt đới gió mùa.
 B. Nhiệt đới gió mùa và cận nhiệt đới gió mùa.
 C. Xích đạo và cận xích đạo
 D. Cận nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo

Câu 3: Trong khu vực Đông Nam Á, quốc gia nào không có biển:

- A. Mianma . C. Campuchia.
 B. Đông Timo. D. Lào.

Câu 4: Nước nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Á lục địa:

- A. Việt Nam, Thái Lan, Singapore. C. Việt Nam, Thái Lan, Mianma.
 B. Thái Lan, Mianma, Indonesia. D. Bruney, Malaixia, Thái Lan.

Câu 5: Cao su là cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở các nước:

- A. Thái Lan, Malaxia, Việt Nam, Indônêxia
 B. Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam
 C. Thái Lan, Việt Nam, Philipine, Malaixia
 D. Thái Lan, Malaixia, Singapore, Việt Nam

Câu 6: Ở Việt Nam cây công nghiệp có diện tích cao nhất Đông Nam Á là:

- A. Cao su và cà phê. C. Cà phê và chè
 B. Cà phê và hồ tiêu. D. Cao su và dứa

Câu 7: ASEAN là tên gọi tắt của:

- A. Liên minh Đông Nam Á. C. Hiệp hội kinh tế Đông Nam Á
 B. Tổ chức liên phòng Đông Nam Á. D. Hiệp hội các nước Đông Nam Á

Câu 8: Năm 1967, ASEAN được thành lập tại:

- A. Gia-các-ta (Indônêxia). C. Băng-cốc (Thái Lan)
 B. Cua-la-lăm-pơ (Malaixia) D. Singapore

Câu 9: Việt Nam gia nhập ASEAN năm:

- A. 1995 C. 1997
 B. 1996 D. 1998

Câu 10: Ở Ôxtrâyli-a, khu vực tập trung nhiều khoáng sản năng lượng là:

- A. Phía Tây và Nam C. Phía Đông và Tây
 B. Phía Bắc và Tây D. Phía Nam và Đông

Câu 11: Ngành hàng không nội địa của Ô-xtrây-li-a phát triển mạnh là do:

- A. Đời sống cao, nhân dân thích đi máy bay.
 B. Hàng không tiện lợi vì đi nhanh, giá rẻ.
 C. Đường sắt và đường ô tô chưa phát triển.
 D. Đất nước rộng lớn, các thành phố nằm quá xa nhau.

Câu 12: Cho bảng số liệu về Chuyển dịch cơ cấu GDP theo ba khu vực kinh tế của Việt Nam.

(Đơn vị: %)

Năm	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Tổng
1991	40,5	23,8	35,7	100
1995	27,2	28,8	44,0	100
2000	24,5	36,7	38,8	100
2004	21,8	40,2	38,0	100

Em hãy xác định biểu đồ thể hiện thích hợp nhất:

- A. Biểu đồ tròn. C. Biểu đồ đường.

- B. Biểu đồ miền. D. Biểu đồ ô vuông.

Câu 13: Cao su là cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở các nước Đông Nam Á:

- A. Thái Lan, Malaxia, Việt Nam, Indonesia
 B. Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam
 C. Thái Lan, Việt Nam, Philipine, Malaixia
 D. Thái Lan, Malaixia, Singapore, Việt Nam

Câu 14 : Nhật Bản là một quốc gia nằm ở:

- A. Nam Á
 B. Đông Nam Á
 C. Đông Á
 D. Tây Á

Câu 15: Câu nào sau đây chính xác về tình hình dân số Nhật Bản

- A. Tốc độ gia tăng dân số hàng năm cao và đang giảm dần.
 B. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên ở mức 1% vào năm 2005.
 C. Nhật Bản là nước đông dân, phần lớn dân cư tập trung ở các thành phố ven biển.
 D. Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng ít.

Câu 16: Dựa vào số liệu sau về sự biến động cơ cấu dân số theo độ tuổi ở Nhật Bản:

Nhóm tuổi	Năm 1950	Năm 1997	Năm 2005
Dưới 15 tuổi (%)	35,4	15,3	13,9
Từ 15-64 tuổi (%)	59,6	69,0	66,9
Từ 65 tuổi trở lên(%)	5,0	15,7	19,2

Em hãy cho biết nhận xét nào là chính xác nhất

- A. Tuổi thọ Nhật Bản ngày càng giảm.
 B. Dân số Nhật Bản đang trẻ hóa
 C. Năm 2005, Nhật Bản là nước có dân số già.
 D. Tỉ suất gia tăng dân số ngày càng tăng.

Câu 17: Dựa vào bảng sau về tốc độ gia tăng GDP của Nhật Bản:

Năm	1990	1995	1997	1999	2001	2003	2005
Tăng GDP (%)	5,1	1,5	1,9	0,8	0,4	2,7	2,5

Em hãy cho biết nhận xét nào là chính xác nhất.

- A. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản có xu hướng giảm.
 B. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản có xu hướng tăng tăng.
 C. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản thuộc loại cao
 D. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản không đều, nhìn chung giảm đến 2001 – sau đó tăng dần

Câu 18: Trong ngành dịch vụ Nhật Bản, nhận định nào sau đây là chính xác nhất

- A. Nhật Bản đứng thứ nhất thế giới về thương mại.
 B. Nhật Bản là nước có ngành tài chính, ngân hàng đứng hàng đầu thế giới.
 C. Bán hàng buôn bán của Nhật Bản chủ yếu là các nước đang phát triển.
 D. Bán hàng buôn bán của Nhật Bản chủ yếu là các nước phát triển.

Câu19: Dựa vào bảng giá trị xuất nhập khẩu qua các năm (đơn vị = tỉ USD), hãy xác định biểu đồ thích hợp thể hiện giá trị xuất nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm:

Năm	1990	1995	2000	2001	2004
Xuất Khẩu	287,6	443,1	479,2	403,5	565,7
Nhập Khẩu	235,4	335,9	379,5	349,1	454,5

- A. Biểu đồ tròn
 B. Biểu đồ vuông
 C. Biểu đồ miền
 D. Biểu đồ cột

Câu 20: Trung Quốc có diện tích 9572,8 nghìn km², dân số 1303,7 triệu người (2005), nên mật độ dân số Trung Quốc là:

- A. 136 người /km²
- B. 220 người /km²
- C. 1360 người /km²
- D. 13,6 người / km²

Câu 21: Trung Quốc là nước có diện tích lớn thứ tư trên thế giới sau các nước

- A. Nga, Canada, Hoa Kỳ
- B. Nga, Canada, Australia
- C. Nga, Hoa Kỳ, Canada
- D. Nga, Hoa Kỳ, Mông Cổ.

Câu 22: Do lãnh thổ Trung Quốc kéo dài từ 20⁰ Bắc đến 53⁰ Bắc nên khí hậu Trung Quốc chủ yếu sẽ là:

- A. Nhiệt đới , hàn đới
- B. Cận nhiệt đới, hàn đới
- C. Cận nhiệt đới, ôn đới
- D. Nhiệt đới và cận nhiệt đới

Câu 23: Khoáng sản kim loại màu của Trung Quốc nổi tiếng ở:

- A. Miền Đông
- B. Miền Tây
- C. Miền Bắc
- D. Miền Nam

Câu 24: Những điểm sau đây là của miền Đông Trung Quốc:

- A. Gồm rất nhiều núi cao
- B. Là nơi bắt nguồn của nhiều con sông lớn
- C. Khí hậu là ôn đới lục địa
- D. Là vùng có các đồng bằng châu thổ rộng lớn

Câu 25: Ven biển phía Đông của Trung Quốc có hai khu đặc hành chính là:

- A. Thượng Hải, Bắc Kinh
- B. Hồng Kông, Ma Cao
- C. Đài Loan, Quảng Đông
- D. Hồng Kông, Thượng Hải

Câu 26: Trung Quốc và Việt Nam phát triển quan hệ hợp tác theo phương châm “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” từ năm:

- A. 1975
- B. 1978
- C. 1999
- D. 2001

Câu 27: Đông Nam Á lục địa có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Tuy vậy một phần lãnh thổ của các nước sau đây có mùa đông lạnh

- A. Việt Nam, Mianma
- B. Thái Lan, Mianma
- C. Thái Lan, Malaysia
- D. Việt Nam, Thái Lan

Câu 28: Đông Nam Á biển đảo nằm trong hai đới khí hậu chính là:

- A. Cận nhiệt đới, ôn đới
- B. Cận nhiệt đới xích đạo
- C. Nhiệt đới gió mùa, xích đạo
- D. Nhiệt đới, ôn đới.

Câu 29: Quốc gia nào sau đây *không* tham gia sáng lập tổ chức ASEAN năm 1967:

- A. Thái Lan
- B. Indonesia
- C. Việt Nam
- D. Philipin

Câu 30: Trong 11 quốc gia Đông Nam Á, nước nào *chưa* gia nhập ASEAN:

- A. Đông Timo
- B. Brunay
- C. Mianma
- D. Campuchia

Câu 31: Trong ngành dịch vụ Nhật Bản, câu nào sau đây là chính xác nhất:

- A. Nhật Bản đứng thứ nhất thế giới về thương mại.

- B. Bạn hàng buôn bán của Nhật Bản chủ yếu là các nước đang phát triển.
- C. Nhật Bản là nước có ngành tài chính, ngân hàng đứng hàng đầu thế giới.
- D. Bạn hàng buôn bán của Nhật Bản chủ yếu là các nước phát triển.

Câu 32: Trung Quốc có diện tích 9572,8 nghìn km² và dân số 1303,7 triệu người (2005), nên mật độ dân số Trung Quốc là:

- A. 136 người /km²
- B. 220 người /km²
- C. 1360 người /km²
- D. 13,6 người / km²

Câu 33: Dựa vào số liệu sau về sự biến động cơ cấu dân số theo độ tuổi ở Nhật Bản, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là chính xác nhất:

Nhóm tuổi	Năm 1950	Năm 1997	Năm 2005
Dưới 15 tuổi (%)	35,4	15,3	13,9
Từ 15-64 tuổi (%)	59,6	69,0	66,9
Từ 65 tuổi trở lên(%)	5,0	15,7	19,2

- A. Tuổi thọ Nhật Bản ngày càng giảm.
- B. Năm 2005, Nhật Bản là nước có dân số già.
- C. Dân số Nhật Bản đang trẻ hóa
- D. Tỉ suất gia tăng dân số ngày càng tăng.

Câu 34: Dựa vào bảng sau về tốc độ gia tăng GDP của Nhật Bản, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là chính xác nhất:

Năm	1990	1995	1997	1999	2001	2003	2005
Tăng GDP(%)	5,1	1,5	1,9	0,8	0,4	2,7	2,5

Em hãy cho biết nhận xét nào là chính xác nhất.

- A. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản có xu hướng giảm.
- B. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản có xu hướng tăng tăng.
- C. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản thuộc loại cao
- D. Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản không đều, nhìn chung giảm đến 2001 – sau đó tăng dần

Câu 35: Nhật Bản là một quốc gia nằm ở:

- A. Tây Á
- B. Đông Nam Á
- C. Nam Á
- D. Đông Á

Câu 36: Dựa vào bảng giá trị xuất nhập khẩu qua các năm, em hãy xác định biểu đồ thích hợp thể hiện giá trị xuất nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm:

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2001	2004
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	403,5	565,7
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	349,1	454,5

- A. Biểu đồ tròn
- B. Biểu đồ cột
- C. Biểu đồ miền
- D. Biểu đồ vuông

Câu 37: Câu nào sau đây chính xác về tình hình dân số Nhật Bản

- A. Nhật Bản là nước đông dân, phần lớn dân cư tập trung ở các thành phố ven biển.
- B. Tốc độ gia tăng dân số hàng năm cao và đang giảm dần.
- C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên ở mức 1% vào năm 2005.
- D. Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng ít.

Câu 38: Do lãnh thổ Trung Quốc kéo dài từ 20⁰ Bắc đến 53⁰ Bắc nên khí hậu Trung Quốc chủ yếu sẽ là:

- A. Nhiệt đới, hàn đới
- B. Cận nhiệt đới , hàn đới
- C. Cận nhiệt đới , ôn đới

D. Nhiệt đới , cận nhiệt đới

Câu 39: Miền Đông Trung Quốc:

- A. Gồm rất nhiều núi cao
- B. Là nơi bắt nguồn của nhiều con sông lớn
- C. Là vùng có các đồng bằng châu thổ rộng lớn
- D. Khí hậu ôn đới

Câu 40: Trung Quốc và Việt Nam phát triển quan hệ hợp tác theo phương châm “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” từ năm:

- A. 1975
- B. 1999
- C. 1978
- D. 2001

Câu 41: Trung Quốc là nước có diện tích lớn thứ tư trên thế giới sau các nước

- A. Nga, Canada, Hoa Kỳ
- B. Nga, Canada, Australia
- C. Nga, Hoa Kỳ, Canada
- D. Nga, Hoa Kỳ, Mông Cổ.

Câu 42: Ven biển phía Đông của Trung Quốc có hai khu đặc hành chính là:

- A. Thượng Hải, Bắc Kinh
- B. Hồng Kông, Ma Cao
- C. Đài Loan, Quảng Đông
- D. Hồng Kông, Thượng Hải

Câu 43: Khoáng sản kim loại màu của Trung Quốc nổi tiếng ở:

- A. Miền Nam
- B. Miền Tây
- C. Miền Bắc
- D. Miền Đông

Câu 44: Quốc gia nào của Đông Nam Á sau đây có lợi thế về biển:

- A. Mianma, Malaysia, Lào
- B. Việt Nam, Lào, Thái Lan
- C. Việt Nam, Philipin, Thái Lan
- D. Indonesia, Brunây, Lào

Câu 45: Quốc gia nào sau đây **không** tham gia sáng lập tổ chức ASEAN năm 1967:

- A. Việt Nam
- B. Indonesia
- C. Thái Lan
- D. Philipin

Câu 46: Đông Nam Á tiếp giáp đại dương nào:

- A. Thái Bình Dương, Đại Tây Dương
- B. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương
- C. Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương
- D. Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương

Câu 47: Đông Nam Á lục địa có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Tuy vậy một phần lãnh thổ của các nước sau đây có mùa đông lạnh

- A. Thái Lan, Malaysia
- B. Thái Lan, Mianma
- C. Việt Nam, Mianma
- D. Việt Nam, Thái Lan

Câu 48: Đông Nam Á biển đảo có khí hậu chính là:

- A. Cận nhiệt đới, nhiệt đới
- B. Cận nhiệt đới, xích đạo
- C. Nhiệt đới, ôn đới

D. Nhiệt đới gió mùa, xích đạo

Câu 49: Trong 11 quốc gia Đông Nam Á, nước nào *chưa* gia nhập ASEAN:

- A. Đông Timo
- B. Brunây
- C. Mianma
- D. Campuchia

Câu 50. Ôxtrâyliya thuộc các bán cầu:

- A. Nam và Tây
- B. Nam và Đông
- C. Bắc và Đông
- D. Bắc và Tây

Câu 51. Câu nào dưới đây *không chính xác* về của Ôxtrâyliya:

- A. Là quốc gia duy nhất chiếm cả lục địa
- B. Có dải san hô ngầm lớn nhất thế giới
- C. Địa hình khá cao, trung bình trên 1000m
- D. Động vật đặc trưng là kanguru

Câu 52. Khó khăn về điều kiện tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của Ôxtrâyliya là:

- A. Diện tích quá lớn so với tổng số dân
- B. Khí hậu phân hóa mạnh mẽ
- C. Cảnh quan thiên nhiên đa dạng
- D. Hoang mạc chiếm diện tích lớn

Câu 53. Với diện tích: 7,74 triệu km², dân số: 20,4 triệu người, mật độ dân số Ôxtrâyliya khoảng:

- A. 3 người/km²
- B. 5 người/km²
- C. 4 người/km²
- D. 6 người/km²

Câu 54. Câu nào dưới đây *không chính xác* về dân cư Ôxtrâyliya

- A. Mức độ đô thị hóa vào loại cao nhất thế giới
- B. Nguồn nhân lực chất lượng cao
- C. Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên cao
- D. Mật độ dân cư thấp ở vùng nội địa

Câu 55. Trong những năm gần đây Ôxtrâyliya trở thành môi trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trên thế giới vì:

- A. Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú
- B. Nguồn lao động chất lượng cao
- C. Môi trường xanh, sạch hàng đầu thế giới
- D. Có mức tăng trưởng kinh tế cao và ổn định

Câu 56. Đất nước rộng lớn, các thành phố và khu dân cư nằm quá xa nhau, tạo điều kiện thuận lợi để Ôxtrâyliya phát triển ngành:

- A. Giao thông vận tải đường sắt
- B. Giao thông vận tải đường ô tô
- C. Giao thông vận tải đường sông
- D. Giao thông vận tải đường hàng không

Câu 57. Nhận định nào sau đây *không chính xác* về ngành dịch vụ của Ôxtrâyliya:

- A. Công nghệ thông tin rất phát triển
- B. Lượt khách du lịch mỗi năm tương đương ¼ tổng số dân
- C. Nhập khẩu các mặt hàng khoáng sản, lương thực, thực phẩm
- D. Cảng Xít-ni có vai trò rất lớn trong hoạt động ngoại thương

Câu 58*. Các trung tâm công nghiệp lớn ở Ôxtrâyliya:

- A. Tập trung ở phía Tây Bắc
- B. Tập trung ở phía Đông Bắc
- C. Tập trung ở phía Nam
- D. Tập trung nhiều ở Đông Nam và Tây Nam

Câu 59. Câu nào dưới đây *không chính xác* về nông nghiệp Ôxtrâyliya:

- A. Hình thức sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trang trại

- B. Trồng trọt chiếm giá trị lớn hơn chăn nuôi
- C. Đứng đầu thế giới về sản xuất len
- D. Là quốc gia có nền nông nghiệp hiện đại

Câu 60. Thời gian gần đây, dân nhập cư vào Ôxtrâyliia chủ yếu từ:

- A. Châu Âu
- B. Châu Phi
- C. Châu Á
- D. Châu Âu và châu Á

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: (2 điểm)

Việc gia nhập ASEAN đã đem lại cho Việt Nam những thuận lợi và thách thức gì trong việc phát triển kinh tế - xã hội?

Câu 2: (2 điểm)

Điều kiện tự nhiên vùng Đông Nam Á có thuận lợi gì cho sự phát triển ngành trồng cây lương thực và cây công nghiệp.

Câu 3: (2 điểm)

So sánh sự khác nhau về tự nhiên giữa miền tây và miền đông Trung Quốc.

Câu 4 (2 điểm)

Tự nhiên ĐNÁ có thuận lợi và khó khăn gì để phát triển kinh tế? Hướng giải quyết?

Câu 5 (2 điểm)

Làm rõ mục tiêu và cơ chế hợp tác của ASEAN.

Câu 6: (2 điểm)

Chứng minh rằng tự nhiên Ôxtrâyliia có sự phân hoá mạnh.

Câu 7: (2 điểm)

Trình bày những thành tựu và thách thức của ASEAN. Từ đó đưa ra những giải pháp hợp lí.

Câu 8: (2 điểm)

Trình bày một số đặc điểm của dân cư và người lao động Nhật Bản.

Câu 9: (2 điểm)

Hãy cho biết vì sao sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc lại tập trung ở miền Đông?

Câu 10: (2 điểm)

Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.

Câu 11: (2 điểm)

So sánh đặc điểm tự nhiên miền Đông và miền Tây của Trung Quốc. Qua đó phân tích thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên của từng vùng đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc.